

CURRENT STATUS OF AWARENESS, ATTITUDE AND BEHAVIOR OF STUDENTS OF NGUYEN VIET XUAN SECONDARY SCHOOL, HA LONG CITY ON REPRODUCTIVE HEALTH IN 2022

Vu Quyet Thang^{1*}, Le Thi Lien², Nguyen Thi Lan Anh³, Tran Nhu Khoa⁴, Pham Viet Vinh⁵

¹Quang Ninh Center for Disease Control - 651 Le Thanh Tong Street, Hong Gai Ward, Quang Ninh Province, Vietnam

²Quang Ninh Department of Health - 80 Tran Hung Dao Street, Hong Gai Ward, Quang Ninh Province, Vietnam

³Maternal and Child Health Department - 35 Tran Phu Street, Ba Dinh Ward, Hanoi City, Vietnam

⁴Air Force Medical Institute - 225 Truong Chinh Street, Phuong Liet Ward, Hanoi City, Vietnam

⁵Y Duc Infectious Disease Clinic - No. 12, Alley 495 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan Ward, Hanoi City, Vietnam

Received: 03/03/2026

Revised: 18/04/2026; Accepted: 29/07/2026

ABSTRACT

Reproductive health care for adolescents (CSSKVTN) is not only the task of the health sector but also requires the whole society. In which, parents, teachers, doctors, youth union, social organizations... must be the main subjects, actively cooperating in sex education programs. Adolescents often lack knowledge about sex, contraception, how to conceive, signs of pregnancy, sexually transmitted infections. Therefore, the study on awareness, attitude, and behavior about reproductive health for students of Nguyen Viet Xuan Secondary School, Ha Long City, has the following results: The rate of students with correct knowledge about pregnancy and the time when sexual intercourse is likely to cause pregnancy: mid-cycle 81.2%; Students' knowledge about contraception; Students' understanding of the harmful effects of abortion; STDs; Attitudes about reproductive health care for adolescents. Due to lack of knowledge about safe sex and reproductive health care (SRHC), many adolescents have suffered serious complications from unsafe abortion. Adolescent reproductive health care will guide them to think, evaluate, and make the right choices in friendship and love, not making regrettable mistakes that affect their happiness and future.

Keywords: Family planning; Contraceptive measures; Current status of use, related factors when using contraceptive measures.

*Corresponding author

Email: thangytdpquangninh@gmail.com Phone: (+84) 913539977 DOI: 10.52163/yhc.v67iCD11.6058

THỰC TRẠNG NHẬN THỨC, THÁI ĐỘ VÀ HÀNH VI CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGUYỄN VIẾT XUÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG VỀ SỨC KHỎE SINH SẢN NĂM 2022

Vũ Quyết Thắng^{1*}, Lê Thị Liên², Nguyễn Thị Lan Anh³, Trần Như Khoa⁴, Phạm Viết Vinh⁵

¹Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh - 651 Lê Thánh Tông, P. Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

²Sở Y tế Quảng Ninh - 80 Trần Hưng Đạo, P. Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

³Vụ sức khỏe Bà mẹ trẻ em - 35 Trần Phú, P. Ba Đình, Tp. Hà Nội, Việt Nam

⁴Viện Y học Phòng không - Không quân - 225 Trường Chinh, P. Phương Liệt, Tp. Hà Nội, Việt Nam

⁵Phòng khám chuyên khoa truyền nhiễm Y đức - Số 12 ngõ 495 Nguyễn Trãi, P. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận: 03/03/2026

Ngày sửa: 18/04/2026; Ngày đăng: 29/07/2026

TÓM TẮT

Để mô tả thực trạng kiến thức, thái độ, hành vi của học sinh THCS về sức khỏe sinh sản trường THCS Nguyễn Viết Xuân TP Hạ Long chúng tôi tiến hành nghiên cứu kiến thức, thái độ, hành vi của học sinh THCS về sức khỏe sinh sản trường THCS Nguyễn Viết Xuân TP Hạ Long năm 2022. Tuổi vị thành niên thường thiếu kiến thức về tình dục, tránh thai, thụ thai, các dấu hiệu của thai nghén, các viêm nhiễm lây truyền qua đường tình dục. Việc nghiên cứu về nhận thức, thái độ, hành vi về sức khỏe sinh sản cho học sinh trường THCS Nguyễn Viết Xuân Thành phố Hạ Long là rất có ý nghĩa. Tỷ lệ học sinh có kiến thức đúng về trường hợp có thai và thời điểm nếu quan hệ tình dục dễ gây có thai giữa chu kỳ 81,2%; Kiến thức của học sinh về biện pháp tránh thai; Hiểu biết của HS về tác hại của nạo phá thai; Các bệnh LTQĐTD; Thái độ về SKSS VTN. Do thiếu hiểu biết về tình dục an toàn và chăm sóc sức khỏe sinh sản (CSSKS), nhiều vị thành niên đã phải gánh chịu những biến chứng nặng nề từ việc nạo phá thai không an toàn.

Từ khóa: Kế hoạch hóa gia đình; Biện pháp tránh thai; Tình trạng sử dụng hiện tại, các yếu tố liên quan khi sử dụng biện pháp tránh thai.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo thống kê của Vụ Sức khỏe Bà mẹ trẻ em-Bộ Y tế, trung bình mỗi năm cả nước có khoảng 300 đến 400 ngàn ca phá thai ở độ tuổi 15-19 được báo cáo chính thức, trong đó 60-70% là học sinh, sinh viên. Tỷ lệ phá thai ở Việt Nam trong 10 năm trở lại đây giảm, nhưng tỷ lệ nạo phá thai ở trẻ VTN, thanh niên lại có dấu hiệu gia tăng - chiếm hơn 20% các trường hợp phá thai.

Mặc dù Việt Nam đạt được những thành công nhất định trong chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN, TN. Tình trạng quan hệ tình dục sớm, quan hệ tình dục không an toàn, mang thai ngoài ý muốn và phá thai không an toàn, nguy cơ lây nhiễm bệnh lây truyền qua đường tình dục... của VTN, TN chưa được cải thiện, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, các khu công nghiệp tập trung; ở nhóm VTN, TN yếu thế (dân tộc thiểu số, khuyết tật, đồng giới nam...) [2].

Tại Quảng Ninh, theo số liệu các đơn vị gửi về Trung tâm KSBT qua báo cáo lĩnh vực Chăm sóc sức khỏe sinh sản (SKSS), tỷ số phá thai ở phụ nữ độ tuổi sinh đẻ (15 - 49 tuổi) có xu hướng giảm dần từ 42,5/100 trẻ đẻ sống (năm 2015) xuống còn 36,2 (năm 2019). Tuy nhiên, phá thai ở độ tuổi VTN-TN lại gia tăng trong những năm gần đây (năm 2015: phá thai VTN-TN chiếm 4,4%, năm 2019 là 7,5%, năm 2020 là 8,4% các trường hợp phá thai. Đặc biệt, VTN độ tuổi ≤ 16 tuổi đang trong tình trạng báo động: năm 2018 có 86 em, năm 2019 có 61 em, năm 2020 là 67 em. Con số này chưa phản ánh được hết thực trạng hiện nay. Thực tế, nhiều gia đình khi phát hiện con em mình có thai, đã đưa con đi xử lý ở các bệnh viện, phòng khám ở tỉnh khác, hoặc khai tăng số tuổi để hợp thức hóa việc nạo, phá thai.

Trường THCS Nguyễn Viết Xuân được thành lập 1972, là trường công lập thuộc phòng giáo dục của thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh. Năm học 2021-2022 trường có 4 khối lớp 6,7,8,9 với 08 lớp tổng số học sinh 229 em. Trong nhà trường, giáo dục SKSS VTN được yêu cầu lồng ghép vào môn Sinh học. Việc triển khai giáo dục lồng ghép SKSS VTN trong nhà trường còn gặp nhiều rào cản năng lực của đội ngũ giáo viên về lĩnh vực này còn hạn chế. Đây là vấn đề bức thiết cần được chú trọng. Xuất phát từ những lý do trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: “Thực trạng nhận thức, thái độ và hành vi của học sinh trường THCS Nguyễn Viết Xuân TP Hạ Long về sức khỏe sinh sản”. Mục tiêu nghiên cứu: (1) Mô tả thực trạng kiến thức, thái độ, hành vi của học sinh THCS về sức khỏe sinh sản trường THCS Nguyễn Viết Xuân TP Hạ Long. (2) Tìm hiểu một số yếu tố liên quan tới sức khỏe và hành vi của học sinh THCS về sức khỏe sinh sản.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Tất cả học sinh trường THCS Nguyễn Viết Xuân, Hạ Long.

- Tiêu chuẩn lựa chọn đối tượng nghiên cứu: Học sinh lớp 6,7,8,9 trường THCS Nguyễn Viết Xuân trong độ tuổi từ 12-15 đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 3/2022 đến tháng 10/2022. Trường THCS Nguyễn Viết Xuân TP Hạ Long tỉnh Quảng Ninh.

*Tác giả liên hệ

Email: thangytdpquangninh@gmail.com Điện thoại: (+84) 913539977 DOI: 10.52163/yhc.v67iCD11.6058

2.3. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang

2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu nghiên cứu

Sử dụng phương pháp chọn mẫu toàn bộ.

2.5. Cỡ mẫu thu được: 229.

2.6. Xử lý số liệu

Thống kê kết quả thu được từ phiếu điều tra, khảo sát, phỏng vấn.

Xử lý phân tích số liệu được nhập bằng phần mềm SPSS 20.

2.7. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được thông qua bởi Hội đồng nghiên cứu khoa học của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Quảng Ninh.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Có 229 học sinh tham gia nghiên cứu thuộc các nhóm tuổi 12,13, 14, 15 ở bốn khối lớp 6, 7, 8, 9 của trường THCS Nguyễn Viết Xuân. Kết quả nghiên cứu nam chiếm 54,6%, nữ :45,4%.

3.2. Kiến thức về SKSS

Bảng 1. Tỷ lệ học sinh hiểu biết về dấu hiệu dậy thì theo giới

Nội dung	Nam (n=125)		Nữ (n=104)		Tổng (n=229)	
	n	%	n	%	n	%
Tăng về chiều cao và cân nặng	124	99,2	103	99,0	227	99,1
Ngực lớn lên và hơi đau	72	57,6	64	61,5	136	59,4
Xuất hiện mọc lông ở vùng kín	63	50,4	49	47,1	112	48,9
Quan tâm, để ý đến bạn khác giới	48	38,4	32	30,8	80	34,9
Mọc mụn trứng cá	62	49,6	50	48,1	112	48,9
Xuất tinh khi mê ngủ	39	31,2	37	35,6	76	33,2
Bắt đầu có kinh nguyệt	52	41,6	48	46,2	100	43,7

Các dấu hiệu dậy thì được biết đến nhiều nhất là tăng về chiều cao và cân nặng (99,1%), tiếp theo là ngực lớn lên và hơi đau (59,4%), xuất hiện mọc lông ở vùng kín và mọc mụn trứng cá (48,9%). Hai dấu hiệu ít được biết đến là xuất tinh khi mê ngủ (33,2%), quan tâm để ý bạn khác giới (34,9%).

3.3. Thái độ, hành vi của học sinh về sức khỏe sinh sản VTN

Bảng 2.

Nội dung	Không chấp nhận được		Là điều bình thường		Không quan tâm		Không biết	
	n	%	n	%	n	%	n	%
Có bạn tình ở lứa tuổi VTN	110	48,0	38	16,6	37	16,2	44	19,2
Có thai ở lứa tuổi VTN	135	59,0	25	10,9	33	14,4	36	15,7
QHTD khi đang đi học	126	55,0	16	7,0	34	14,8	53	23,1

Có 48% HS có thái độ không chấp nhận việc đang học THCS mà có bạn tình, 55% HS không chấp nhận việc đang đi học mà đã QHTD và 59% HS không chấp nhận việc đang học THCS mà có thai. Có 16,6% HS cho rằng việc có bạn tình, 7% cho rằng việc QHTD khi đang đi học và 10,9% cho rằng việc có thai lứa tuổi VTN là điều bình thường. Có từ 14-19% HS tỏ thái độ không quan tâm hoặc không có ý kiến đối với vấn đề này.

3.4. Hành vi của học sinh về SKSS

Bảng 3. Thái độ của học sinh về sức khỏe sinh sản

Nội dung		Nam (n = 125)		Nữ (n = 104)		Tổng (n = 229)	
		n	%	n	%	n	%
Vì sao không nên kết hôn và sinh con ở tuổi vị thành niên	Vì còn ít tuổi	25	20,0	22	21,2	47	20,5
	Vì cơ thể chưa phát triển đủ độ thuần thực về sinh dục	28	22,4	17	16,3	45	19,7
	Vì chưa được chuẩn bị tâm lý và các điều kiện	21	16,8	19	18,3	40	17,5
	Vì tất cả những lý do trên	51	40,8	46	44,2	97	42,4
Lý do không nên quan hệ tuổi VTN	Nên tập trung vào học tập	28	22,4	25	24,0	53	23,1
	Không nên quan hệ sớm là cách tốt nhất để tránh khỏi nguy cơ về SK và tâm lý	1	0,8	3	2,9	4	1,7
	Tất cả các đáp án trên	50	40,0	49	47,1	99	43,2

Có 19/219 HS được điều tra đã có bạn tình chiếm 8,3%, trong đó tỉ lệ nữ chiếm 11,5%, cao hơn ở nam là 5,6%. Có 33 HS khi có thai sẽ nạo phá thai chiếm 14,4%; (27) 11,8% nếu có thai sẽ cưới nhau và (169)73,8% khi có thai không biết làm gì.

3.5. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức thái độ, hành vi của học sinh về SKSS

Bảng 4. Tỷ lệ có bạn tình

Kết quả Hành vi	Nam (n =125)		Nữ (n =104)		Tổng (n = 229)	
	n	%	n	%	n	%
Đã có bạn tình	7	5,6	12	11,5	19	8,3
Chưa có bạn tình	118	94,4	92	88,5	210	91,7

Mối liên quan giữa yếu tố cá nhân với kiến thức về SKSS VTN, đồng thời có mối liên quan giữa kiến thức về SKSS với lớp học, $p=0,012$. Mối liên quan giữa yếu tố cá nhân với thái độ về SKSS: Có mối liên quan giữa thái độ với lớp học với $p=0,034$.

Bảng 5. Mối liên quan giữa yếu tố cá nhân với thái độ về sức khỏe sinh sản

Yếu tố cá nhân		Thái độ		p	OR (95%CI)
		Đạt	Chưa đạt		
Giới	Nam	117 (54,7)	8 (53,3)	0,92	1,055 (0,37-3,014)
	Nữ	97 (45,3)	7 (46,7)		
Lớp	Lớp 6	46 (21,5)	8 (53,3)	0,034	
	Lớp 7	63 (29,4)	4 (26,7)		
	Lớp 8	58 (27,1)	2 (13,3)		
	Lớp 9	47 (22,0)	1 (6,7)		
Học lực	Khá trở lên	144 (67,3)	11 (73,3)	0,779	0,748 (0,23-2,433)
	Trung bình trở xuống	70 (32,7)	4 (26,7)		

4. BÀN LUẬN

4.1. Thực trạng giáo dục về SKSS và TD cho HS trường THCS Nguyễn Viết Xuân

Về biện pháp tránh thai, tỷ lệ học sinh có nghe nói ít nhất một BPTT khá cao 96%.

- Kiến thức về bệnh lây truyền qua đường tình dục: Đa số học sinh biết về các bệnh lây LTQĐTD, các bệnh giang mai, lậu, HIV/AIDS, được biết đến nhiều nhất (lần lượt là 58,1%, 36,7% và 16,2%). Có 67,2% học sinh cho rằng nguyên nhân lây truyền bệnh lý lây qua đường tình dục là do quan hệ tình dục không dùng bao cao su, chỉ có 32,8% còn lại cho là do vệ sinh không tốt hoặc do nguồn nước ô nhiễm. Hiểu biết của HS về tác hại của nạo phá thai, có 83,8% các em đề cập tới mất máu (nam 83,2%, nữ 84,6%) chiếm tỷ lệ cao nhất, thấp nhất là vô sinh 33,2%.

- Đánh giá chung về kiến thức SKSS VTN: có 35,4% số học sinh có kiến thức đạt về SKSS VTN, như vậy là có 64,6% số học sinh có kiến thức không đạt.

4.2. Thái độ về sức khỏe sinh sản vị thành niên

Tỷ lệ không chấp nhận được “QHTD khi đang đi học” khá cao chiếm 55% và chỉ rất ít học sinh cho rằng là điều bình thường (7%), cho thấy hiện nay cũng có đã có một lượng nhỏ các em học sinh có thái độ bạo dạn, dễ chấp nhận vấn đề QHTD. Đánh giá chung về thái độ đạt về SKSS chiếm tỷ lệ 93,4%, học sinh có kiến thức chưa đạt chiếm 6,6%.

4.3. Hành vi của HS về SKSS

Mẹ Có 91,7% học sinh được khảo sát chưa có bạn tình. Khảo sát về hành vi của học sinh khi gần bạn tình: 53,7% không làm gì, 23,6% cầm tay, 0,9% có quan hệ tình dục. 02 HS có QHTD có sử dụng BPTT là BCS đạt 100%. Kết quả nghiên cứu cho thấy tuổi VTN khi đối diện với vấn đề về có thai thường không biết sẽ xử lý ra sao (73,8%), tuy nhiên cũng có đến 14,4% đã nghĩ đến việc nạo phá thai và 11,8% cho rằng sẽ kết hôn ở tuổi VTN.

4.4. Một số yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng giáo dục về SKSS và tình dục của học sinh

Nghiên cứu của chúng tôi tìm thấy mối liên quan giữa lớp học với kiến thức và thái độ về SKSS với $p < 0,05$, tức là những em học sinh càng học lớp cao hơn thì càng có kiến

thức và thái độ đối với sức khỏe sinh sản tốt hơn, cần sự giúp đỡ của gia đình đặc biệt là cha mẹ luôn sát cánh, theo dõi các em và các em nữ có thể bộc lộ hết những điều riêng tư của mình với cha mẹ, thì sẽ được cha khuyên nhủ, bảo ban nhiều hơn. Cần tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, cung cấp các kiến thức về CSSKSS thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt về thời điểm thụ thai, tác hại của nạo phá thai, các BPTT. Nhà trường cần tăng cường đưa nội dung giảng dạy về SKSS vào nội dung học tập chính khóa, các nội dung học cần phải cụ thể, sát với thực tế, có trực quan sinh động, đặc biệt là phần các BPTT, tác hại của nạo phá thai.

5. KẾT LUẬN

Kiến thức về thời điểm quan hệ tình dục sẽ dễ có thai 81,2% học sinh biết thời điểm dễ mang thai nhất của chu kỳ kinh nguyệt. Tỷ lệ học sinh biết về BPTT chiếm tỷ lệ 96% trong đó các em biết bao cao su 96,1%; thuốc uống tránh thai 72,3%. Tỷ lệ hiểu biết của học sinh về tác hại của nạo phá “mất máu” chiếm tỷ lệ cao nhất 83,8%, 52,0% học sinh biết “đau bụng”, 48,0% học sinh biết “thủng tử cung”, 34,9% học sinh biết “nhiễm trùng”, 33,2% học sinh biết vô sinh. Các em biết các bệnh LTQĐTD tỷ lệ “lậu” 58,1%, “giang mai” 36,7%, “HIV/AIDS” 16,2%. Có 67,2% học sinh biết nguyên nhân lây truyền bệnh lý lây qua đường tình dục là do QHTD không dùng bao cao su. Tỷ lệ không chấp nhận “có thai ở lứa tuổi VTN” chiếm 59%. Có 55% học sinh không chấp nhận “QHTD khi đang đi học”. Về thái độ của học sinh về lý do không nên quan hệ ở tuổi VTN có đến 43,2% học sinh lựa chọn cả 3 lý do là nên tập trung vào học tập. Có 107 HS có sử dụng BCS nếu có QHTD chiếm 46,7%; 18,8% uống thuốc tránh thai; 11,8% dùng biện pháp khác và 5,7% không sử dụng. Hành vi của học sinh khi gần bạn tình: 53,7% không làm gì, 23,6% cầm tay, 0,9% có QHTD. Có 19/219 HS được điều tra đã có bạn tình chiếm 8,3%, trong đó tỉ lệ nữ chiếm 11,5%, cao hơn ở nam là 5,6%. 02 HS có QHTD sử dụng BPTT là BCS đạt 100%. Có 33 HS khi có thai sẽ nạo phá thai chiếm 14,4%; 11,8% nếu có thai sẽ cưới nhau và 73,8% khi có thai không biết làm gì.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Y Tế (2008), Điều tra về quốc gia vị thành niên và thanh niên Việt Nam SAVY 2, Tổng cục Thống kê và Tổ chức Y tế thế giới
- [2] Bộ Y tế (2016), Hướng dẫn quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản.
- [3] Kế hoạch hành động quốc gia về sức khỏe sinh sản vị thành niên giai đoạn 2021-2025
- [4] Vụ Sức khỏe Bà mẹ - Trẻ em (2013), Báo cáo tình hình có thai và nạo hút thai ở Vị thành niên trong 3 từ năm 2010-2013.
- [5] Hoàng Thị Hải Vân (2014), Kiến thức và thái độ của học sinh Trung học Phổ thông huyện Hoài Đức Hà Nội về chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, Tạp chí Y học dự phòng, Vol. 24(3), tr. 75.